

QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM SỐ 06/2006/KDTM-GĐT
NGÀY 06-7-2006 VỀ VỤ ÁN “TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG
MUA BÁN HÀNG HÓA”

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

.....

Ngày 06 tháng 7 năm 2006, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa:

- **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường

Có trụ sở tại: 20 Thủ Khoa Nghĩa, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang; do ông Lâm Chân Cường, chức vụ giám đốc làm đại diện.

- **Bị đơn:** Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I

Có trụ sở tại: khu phố I Khánh Hội, thị trấn Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; do bà Ngô Thị Mai Hoa, chủ doanh nghiệp làm đại diện.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Bùi Thị Ngọc Diệp; trú tại 50/3/15 đường Hòa Bình, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Ngày 10-8-2003 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường (gọi tắt là bên A) do ông Lâm Chân Cường, chức vụ Giám đốc làm đại diện và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I (gọi tắt là bên B) do bà Ngô Thị Mai, chủ doanh nghiệp làm đại diện đã cùng nhau ký kết hợp đồng mua bán số 01-MV/PN-TC với nội dung:

- Bên A bán cho bên B mè vàng xô, số lượng 500 tấn ($\pm 10\%$);

Đơn giá trước thuế: 8.080.000đ/tấn; thuế VAT 5%: 404.000đ/tấn, thành tiền: 8.484.000đ/tấn, tổng giá trị của hợp đồng là: 4.242.000.000đ $\pm 10\%$.

Phương thức giao nhận: hàng được giao theo từng đợt, chậm nhất đến ngày 25-8-2003. địa điểm: tại bến Trần Văn Kiêu, thành phố Hồ Chí Minh.

Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay 100% bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo từng đợt giao nhận hàng.

Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận nếu có tranh chấp không tự giải quyết được thì đưa ra Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để giải quyết.

Quá trình thực hiện hợp đồng: ông Lâm Chân Cường trình bày ông đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường ký kết hợp đồng mua bán mè vàng với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I và trực tiếp thực hiện hợp đồng đã giao cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I tổng cộng 633 tấn mè vàng và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I đã

thanh toán được gần 300.000.000 đồng, còn nợ 5.194.190.000 đồng, nay yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I trả dứt điểm số nợ còn lại, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng không có mặt bà Bùi Thị Ngọc Điệp, bà Điệp không còn là thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường.

Bà Ngô Thị Mai Hoa trình bày Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I có ký hợp đồng mua bán mè vàng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường; nhưng người thực hiện hợp đồng là bà Bùi Thị Ngọc Điệp, bà Điệp là thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường. Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I đã thanh toán xong tiền hàng thể hiện bằng “Bản đối chiếu công nợ” ngày 15-11-2003 do bà Bùi Thị Ngọc Điệp ký nhận. Do đó, Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I không chấp nhận thanh toán nợ theo yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường.

Bà Bùi Thị Ngọc Điệp trình bày Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I là chỗ quen biết làm ăn cũ nên khoảng tháng 8-2003 Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I ứng tiền trước cho bà để mua hàng, bà liên hệ với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường chỉ để làm thủ tục ký kết hợp đồng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Bà đã giao hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I tổng cộng 633 tấn mè vàng, số tiền tạm ứng của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I là 5.287.150.000 đồng bà đã thanh toán xong, bà không đồng ý phải trả lại số tiền này cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I.

Ngày 15-11-2003 hai bên đã lập Bản đối chiếu giao nhận và thanh toán tiền hàng, đại diện bên giao hàng là bà Bùi Thị Ngọc Điệp; đại diện bên nhận hàng là ông Huỳnh Văn Tài với nội dung: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01-MV/PN-TC ngày 10-8-2003 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I; Căn cứ thực tế giao nhận và thanh toán tiền hàng, bên bán đã giao cho bên mua: 633.000 kg mè vàng, kèm theo 7 hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) với tổng trị giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng: 5.384.190.000 đồng; Phần thanh toán: bên mua đã ứng tiền cho bà Bùi Thị Ngọc Điệp 5.287.150.000 đồng; ông Lâm Chấn Cường trực tiếp nhận 289.306.000 đồng; tổng cộng: 5.576.456.000 đồng. Đối trừ bên mua đã chuyển thừa: 192.266.000 đồng.

Bà Bùi Thị Ngọc Điệp đã trả lại cho bên mua số tiền 192.266.000 đồng.

Bên bán đã giao hàng và xuất hóa đơn cho bên mua; bên mua đã thanh toán đầy đủ tiền hàng và tiền thuế cho bên bán. Hai bên không còn nợ gì nhau kể từ ngày ký biên bản.

Ngày 29-6-2004 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường có đơn khởi kiện đối với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I tới Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đề nghị can thiệp giúp thu hồi hơn 5 tỷ đồng để có tiền trả nợ khách hàng và thuế Nhà nước.

Ngày 09-8-2004 ông Lâm Chấn Cường có đơn gửi Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Ngày 02-11-2004 ông Lâm Chấn Cường nộp 1.000.000 đồng tạm ứng án phí, trên hóa đơn số 01402 không có đóng dấu của cơ quan thi hành án tỉnh An Giang.

Tại bản án kinh tế sơ thẩm số 08/KTST ngày 18-5-2005 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

- Công nhận hợp đồng kinh tế số 01/MV/PN-TC ngày 10-8-2003 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I là hợp đồng hợp pháp.

- Buộc Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường số tiền: 5.094.884.000 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị Ngọc Diệp phải hoàn trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I số tiền 5.094.884.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-5-2005 Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I có đơn kháng cáo toàn bộ bản án kinh tế sơ thẩm.

Ngày 20-5-2005 bà Bùi Thị Ngọc Diệp có đơn kháng cáo với nội dung bà đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường đã nhận đủ tiền mè 5.194.190.000 đồng của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I, bà là người trực tiếp thực hiện hợp đồng, còn ông Lâm Chấn Cường chỉ đứng danh nghĩa ký kết hợp đồng kinh tế, xuất hóa đơn giá trị gia tăng, hưởng tiền hoa hồng 52đ/kg và nhận tiền thuế 5%, tổng cộng 289.306.000 đồng.

Tại bản án kinh tế phúc thẩm số 58/2005/KTPT ngày 22-8-2005 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi vụ án được xét xử phúc thẩm, Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I có nhiều đơn khiếu nại đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm với nội dung:

Hợp đồng mua bán mè giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I đã được thực hiện xong. Người thực hiện hợp đồng là bà Bùi Thị Ngọc Diệp là người nhận tiền tạm ứng để đi thu mua mè của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I, đã giao đủ hàng, đã ký biên bản xác nhận công nợ. Bà Diệp là thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường. Khi thực hiện hợp đồng ông Lâm Chấn Cường có biết, đã ký nhận tiền hoa hồng 52đ/kg và tiền thuế giá trị gia tăng; ông Cường tự cho mình là người thực hiện hợp đồng là gian dối, các hóa đơn thể hiện mua hàng đều là những hóa đơn giả, đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cho giám định hình sự các hóa đơn này và đề nghị Tòa án bác đơn kiện của ông Lâm Chấn Cường, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Lâm Chấn Cường về hành vi lừa đảo.

- Bà Bùi Thị Ngọc Diệp có đơn khiếu nại với nội dung: Ông Lâm Chấn Cường có hành vi gian dối, ông không có ký mè nào để giao cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I, không có tài chính để hoạt động Công ty, bà là người thực hiện toàn bộ hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I; ông Cường chỉ ký hợp đồng, xuất hóa đơn giá trị gia

tăng hưởng hoa hồng 52đ/kg và tiền thuế của Nhà nước, nay ông Cường vẫn đang chiếm đoạt tiền thuế, chưa nộp cho Nhà nước. Việc ông Cường kiện Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I là vô lý và đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị cơ quan pháp luật xử lý nghiêm khắc hành vi lừa đảo của ông Lâm Chấn Cường.

Tại Quyết định kháng nghị số 01/2006/KT-TK ngày 17-4-2006 đối với bản án kinh tế phúc thẩm số 58/2005/KTPT ngày 22-8-2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nhận định:

Hợp đồng mua bán số 01-MV/PN-TC ngày 10-8-2003 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I về việc mua bán mè vàng là hợp đồng giả tạo để che dấu một giao dịch khác của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường là bán tư cách pháp nhân, bán hóa đơn giá trị gia tăng để hưởng lợi với giá 52 đồng/kg mè vàng đối với số mè vàng được ghi trên các hóa đơn. Điều này được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau đây:

1. Tuy ông Lâm Chấn Cường, giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường, ký hợp đồng và tự nhận là trực tiếp thực hiện hợp đồng, nhưng ông Cường không chứng minh được là đã trực tiếp giao hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I. Trong khi đó, bà Bùi Thị Ngọc Diệp xuất trình đủ chứng cứ để xác định chính bà Diệp là người giao hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I (cụ thể là các biên bản giao nhận hàng hóa giữa bà Diệp và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I; xác nhận của những người bốc vác, vận chuyển hàng cho bà Diệp từ Tân Châu tới bến Trần Văn Kiêu; bản đối chiếu công nợ ngày 15-11-2003 giữa Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I. với bà Diệp).

2. Tuy ông Lâm Chấn Cường, giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường ký kết hợp đồng mua bán với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I, nhưng ông Cường không chứng minh được đã giao tiền cho bà Diệp đi mua hàng để giao cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I. Trong khi đó, bà Diệp và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I xác nhận là Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I ứng trước tiền cho bà Diệp để thu mua hàng (theo lời khai tại Tòa án, theo bản đối chiếu công nợ giữa bà Diệp và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I ngày 15-11-2003) và việc ứng tiền trước này được thực hiện trước cả khi hợp đồng mua bán số 01 ngày 10-8-2003 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I được ký kết.

3. Các hóa đơn thu mua mè vàng do ông Lâm Chấn Cường xuất trình cho Tòa án, để chứng minh là ông Cường thực hiện hợp đồng, đều là những tài liệu giả; bởi vì:

- Sau khi vụ án được xét xử sơ thẩm, bị đơn đã xuất trình cho Tòa án cấp phúc thẩm các xác nhận của bà Trần Thị Dĩ, ông Trần Văn Khé và bà Nguyễn Thị Út (là những người đứng tên trong một số hóa đơn thu mua mè vàng do ông Lâm Chấn Cường xuất trình cho Tòa án) có nội dung là chưa bao giờ họ mua bán mè vàng với ông Lâm Chấn Cường.

- Sau khi vụ án được xét xử phúc thẩm, bị đơn đã gửi cho Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao các văn bản có xác nhận của Chi cục thuế huyện Tân Châu, tỉnh An Giang, (có kèm theo các biên bản xác minh của Chi cục thuế huyện Tân Châu với sự tham gia của Công an địa phương) cho thấy các hóa đơn mà ông Cường xuất trình để chứng minh là ông Cường thu mua mè vàng để giao cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I của ông Lâm Chấn Cường, đều là những hóa đơn giả.

Việc ông Lâm Chấn Cường lập các tờ khai thuế giá trị gia tăng không chứng minh được ông là người trực tiếp thực hiện hợp đồng, bởi vì ông Cường bán hóa đơn giá trị gia tăng thì bắt buộc ông phải kê khai với Chi cục thuế. Điều này được chứng minh bằng lời khai của bà Điệp và của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I và bằng các giấy biên nhận tiền do ông Cường viết khi nhận tiền của bà Điệp; cụ thể là:

- Ông Lâm Chấn Cường đã viết biên nhận 6 lần nhận tiền của bà Điệp và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I; tại giấy biên nhận ngày 27-8-2003, ông Cường đã viết rõ: “nhận của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I số tiền thuế của hóa đơn số CY077263 ngày 22-8-2003:

Thuế GTGT bằng: 98.980.000 đồng
245.000 kg x 52đ = 12.740.000 đồng
Cộng: 111.720.000 đồng”.

- Tổng số tiền ông Cường đã nhận 6 lần là: 289.306.000 đồng, phù hợp với số tiền thuế giá trị gia tăng 5% của 633 tấn mè là: 255.732.000 đồng và tiền hoa hồng 52 đồng/kg mè là 32.916.000 đồng.

Như vậy, ông Lâm Chấn Cường không thể căn cứ vào hợp đồng mua bán số 01-MV/PN-TC ngày 10-8-2003 để kiện đòi tiền của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I, vì như trên đã phân tích, hợp đồng này là hợp đồng giả tạo; mà theo quy định tại Điều 3 Luật Thương mại và Điều 138 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm c khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh hợp đồng kinh tế thì hợp đồng này là hợp đồng vô hiệu toàn bộ còn việc mua bán mè vàng thực chất của bà Bùi Thị Ngọc Điệp cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I đã thực hiện xong, không có tranh chấp.

Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải bác đơn khởi kiện của ông Lâm Chấn Cường, nhưng lại chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Chấn Cường là sai lầm nghiêm trọng, không đúng với những tình tiết khách quan của vụ án.

Mặt khác, nếu xác định hợp đồng mua bán số 01-MV/PN-TC ngày 10-8-2003 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I là hợp đồng hợp pháp, thì cũng cần phải xem xét về thời hiệu khởi kiện. Bởi vì tại Điều 2 hợp đồng có quy định phải thanh toán ngay khi giao hàng; theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì lô hàng cuối cùng được giao vào ngày 15-9-2003, nhưng đến ngày 29-6-2004 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường mới có đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền hàng,

nhưng trong hồ sơ lại không có tài liệu nào thể hiện việc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường đã có khiếu nại về thanh toán đối với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I trong thời hạn ba tháng, kể từ khi Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I nhận lô hàng cuối cùng là ngày 15-9-2003. Trong khi đó Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại chưa yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ để làm rõ thời hạn khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường đối với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I.

Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm nêu trên và bản án kinh tế sơ thẩm số 08/KTST ngày 18-5-2005 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Kết luận số 06/KLGĐT-KT ngày 24-5-2006 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm về vụ án này, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao giữ nguyên quan điểm như Kết luận số 06/KLGĐT-KT ngày 24-5-2006 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

XÉT THẤY:

Đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2004 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường có giá ngạch là hơn 5 tỷ đồng; theo quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 15 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 70/CP ngày 12-6-1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường phải nộp tạm ứng án phí là 16.000.000 đồng; nhưng ngày 02-11-2004 ông Lâm Chấn Cường nộp 1.000.000 đồng tạm ứng án phí, trên hóa đơn số 01402 không có đóng dấu của cơ quan thi hành án tỉnh An Giang; nhưng Tòa án nhân dân tỉnh An Giang vẫn chấp nhận thụ lý vụ án là sai phạm tố tụng nghiêm trọng, bởi vì đối với các loại án kinh doanh thương mại, pháp luật không quy định đương sự được miễn hoặc giảm nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Hợp đồng số 01-MV/PN-TC ngày 10-8-2003 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường và Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I là hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật thương mại năm 1997. Tại Điều 2 hợp đồng có quy định phải thanh toán ngay khi giao hàng; theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì lô hàng cuối cùng được giao vào ngày 15-9-2003. Trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày 15-9-2003 nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường thấy bị vi phạm về nghĩa vụ thanh toán thì phải có khiếu nại đối với doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I, nếu không có khiếu

nại thì bị mất quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định tại Điều 241 Luật thương mại năm 1997. Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường cung cấp chứng cứ để chứng minh là đã có khiếu nại về nghĩa vụ thanh toán đối với Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I; để làm rõ Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường có đủ điều kiện để khởi kiện hay không, nhưng đã chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường để thụ lý và giải quyết vụ án là chưa đúng pháp luật.

Tuy ông Lâm Chấn Cường ký kết hợp đồng và tự nhận là mình trực tiếp thực hiện hợp đồng, giá trị của hợp đồng rất lớn, hơn 5 tỷ đồng, hàng được giao làm nhiều đợt, nhưng sau các đợt giao hàng ông Lâm Chấn Cường không đòi tiền hàng, mà có 6 lần nhận tiền của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I và của bà Bùi Thị Ngọc Diệp với tổng số tiền là 289.306.000 đồng, trong đó tại giấy biên nhận ngày 27-8-2003, ông Cường đã viết rõ:

“Nhận của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I số tiền thuế của hóa đơn số CY077263 ngày 22-8-2003:

Thuế GTGT bằng: 98.980.000 đồng

245.000 kg x 52 đồng = 12.740.000 đồng

Cộng: 111.720.000 đồng”.

Theo lời khai của đại diện Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I và bà Bùi Thị Ngọc Diệp thì ông Cường bán tư cách pháp nhân, bán hóa đơn giá trị gia tăng để hưởng lợi 52 đồng/kg mè vàng và chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước; vấn đề này cũng cần được xác minh làm rõ.

Ông Lâm Chấn Cường chỉ xuất trình hợp đồng đã ký, các hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo bản kê khai nộp thuế và các hóa đơn thu mua mè vàng, không có phiếu xuất kho và biên bản giao - nhận hàng hóa, các hóa đơn thuê mua mè vàng thì bị đơn đã khiếu nại là những hóa đơn giả, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đánh giá chứng cứ toàn diện và chính xác đã xác định là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường trực tiếp thực hiện hợp đồng và buộc Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường tiền hàng là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Mặt khác, khi thực hiện hợp đồng giao mè vàng cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I thì bà Bùi Thị Ngọc Diệp thực hiện với tư cách là thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường hay với tư cách cá nhân cần phải xác minh làm rõ; Các biên bản giao - nhận hàng hóa giữa bà Diệp với đại diện của Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I, các biên nhận của các chủ ghe thuyền đã vận chuyển hàng cho bà Diệp từ huyện Tân Châu, tỉnh An Giang tới bến Trần Văn Kiêu, thành phố Hồ Chí Minh để bà Diệp giao hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I và các biên bản xác minh của Chi cục thuế huyện Tân Châu, tỉnh An Giang về các hóa đơn thu mua mè vàng của ông Lâm Chấn Cường do

phía bị đơn xuất trình sau khi vụ án đã được xét xử phúc thẩm cũng cần được Tòa án thẩm tra, xác minh, kết luận có đúng sự thật hay không?

Bởi các lẽ trên và căn cứ vào khoản 3 Điều 291; khoản 3 Điều 297 và khoản 2, khoản 2 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án kinh tế phúc thẩm số 58/2005/KTPT ngày 22-8-2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và bản án kinh tế sơ thẩm số 08/KTST ngày 18-5-2005 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thành Cường; bị đơn là Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Ngọc Diệp.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để giải quyết, xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Lý do hủy các bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm:

1. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thụ lý vụ án khi nguyên đơn chưa hoàn thành việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật;
2. Thiếu chứng cứ chứng minh nguyên đơn có đủ điều kiện để khởi kiện vụ án hay không;
3. Cần xác minh làm rõ một số tình tiết khác của vụ án.

- Nguyên nhân dẫn đến việc hủy các bản án sơ thẩm và phúc thẩm:

1. Sai sót trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về nộp tiền tạm ứng án phí;
2. Thiếu sót trong việc thu thập các chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án.